TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2023/DS-ST
Ngày 27 - 11 - 2022
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Nhân

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 531/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Chị Trần Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Trần Hồng T1, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị D và anh Phạm Văn Tg thống nhất trình bày: Trước đây, anh K và chị T1 làm chủ hụi, anh chị có tham gia chơi trong dây hụi 1.000.000đ, mở ngày 25/10/2021 âl, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 39 phần, anh chị tham gia 01 phần. Trong dây hụi này anh chị có mua thêm 01 phần hụi. Quá trình chơi hụi,

anh chị đóng hụi đến kỳ thứ 18 thì anh K, chị T1 tuyên bố đình hụi. Số tiền anh K và chị T1 nợ anh chị là (18 kỳ x 1.000.000đ) x 2 = 36.000.000đ.

Anh K và chị T1 có trả cho anh chị số tiền 3.080.000đ, còn nợ lại 32.920.000đ. Nay anh chị yêu cầu anh K và chị T1 trả số tiền 32.920.000đ.

Đối với anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị D, anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị D và anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T1 trả tiền nợ hụi là vụ kiện tranh chấp hụi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Chị D, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh K và chị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hụi và anh Kn, chị T1 còn nợ tiền hụi chị D, anh T 36.000.000đ là thực tế có xãy ra. Sau đó, anh K và chị T1 có trả cho chị D, anh T được số tiền 3.080.000đ, còn nợ lại 32.920.000đ. Xét thấy: Anh K và chị T1 là chủ hụi, còn chị D, anh T là hụi viên. Trong quá trình chơi hụi, chị D, anh T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi cho anh K, chị T1. Với vai trò là chủ hụi, anh K, chị T1 là người bảo lãnh cho các hụi viên tham gia. Cho nên, trong quá trình chơi hụi nếu hụi bị bể hay bị hụi viên hốt mà không đóng hụi lại hoặc đình hụi thì anh K, chị T1 phải chịu trách nhiệm đối với các hụi viên. Như vậy, việc anh K, chị T1 tự đình hụi thì anh chị phải có trách nhiệm trả tiền hụi lại cho hụi viên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị D, anh T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh K, chị T1 đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị D, anh T nhưng anh, chị không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, khi chị T1 mở dây hụi này thì anh K với chị T1 đang chung sống cuộc sống vợ chồng và hiện nay anh chị vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, khoản nợ hụi của chị D và anh T là khoản nợ chung của anh K với chị T1 được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, anh K và chị T1 phải cùng có nghĩa vụ trả tiền cho chị D và anh T là phù hợp.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh K và chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D và anh Phạm Văn T.

1. Buộc anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị D và anh Phạm Văn T số tiền là 32.920.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

2. Kể từ ngày chị Trần Thị D và anh Phạm Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T1 chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh K, chị T1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Trần Thị D và anh Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị D, anh Tg 998.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000407 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.646.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh